



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đầu tư

Số 3550787247

Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy chứng nhận Đầu tư số 02221000075 được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2013 và có giá trị trong 45 năm. Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh hai lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đầu tư số 3550787247 ngày 26 tháng 4 năm 2017.

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0201579242

Ngày 8 tháng 1 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh ba lần và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Chang Cheng Yung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Cáp Trọng Cường	Giám đốc
Ông Đào Mạnh Đăng	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

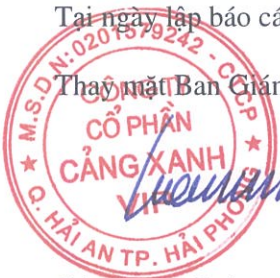

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 6 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-120/2



Wang Toen Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2018

Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		147.700.847.340	159.329.393.601
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4(b)	11.299.620.873	34.193.745.729
Tiền	111		11.299.620.873	1.393.745.729
Các khoản tương đương tiền	112		-	32.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	48.053.375.000	2.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		48.053.375.000	2.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.946.356.441	23.399.212.888
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43.191.121.373	23.009.454.089
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		551.795.000	97.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.203.440.068	292.758.799
Hàng tồn kho	140		6.901.144.180	961.424.800
Hàng tồn kho	141		6.901.144.180	961.424.800
Tài sản ngắn hạn khác	150		36.500.350.846	98.475.010.184
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	2.938.865.671	3.052.984.662
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.561.485.175	95.422.025.522
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.181.417.369.158	1.196.166.224.400
Tài sản cố định	220		761.391.426.878	853.535.795.803
Tài sản cố định hữu hình	221	9	760.241.458.119	851.989.352.048
Nguyên giá	222		955.450.004.993	941.354.080.382
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(195.208.546.874)	(89.364.728.334)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.149.968.759	1.546.443.755
Nguyên giá	228		1.982.375.000	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(832.406.241)	(435.931.245)
Tài sản dở dang dài hạn	240		74.360.171.595	5.249.866.877
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	74.360.171.595	5.249.866.877
Tài sản dài hạn khác	260		345.665.770.685	337.380.561.720
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	345.665.770.685	337.380.561.720
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.329.118.216.498	1.355.495.618.001

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Càng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		583.165.692.496	761.051.165.290
Nợ ngắn hạn	310		205.988.296.971	112.983.336.457
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	59.511.635.350	19.518.242.834
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	8.327.028	1.773.025
Phải trả người lao động	314		8.187.131.082	6.087.380.594
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	10.267.572.992	13.350.161.735
Phải trả ngắn hạn khác	319		123.197.211	135.344.961
Vay ngắn hạn	320	16	127.890.433.308	73.890.433.308
Nợ dài hạn	330		377.177.395.525	648.067.828.833
Vay dài hạn	338	16	377.177.395.525	648.067.828.833
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		745.952.524.002	594.444.452.711
Vốn chủ sở hữu	410	17	745.952.524.002	594.444.452.711
Vốn cổ phần	411	18	632.500.000.000	575.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		632.500.000.000	575.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(94.000.000)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.546.524.002	19.444.452.711
- Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.444.452.711	(9.196.874.271)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		96.102.071.291	28.641.326.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.329.118.216.498	1.355.495.618.001

Ngày 6 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	20	539.295.479.975	335.087.862.019
Giá vốn hàng bán	11		368.212.595.312	240.301.534.371
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		171.082.884.663	94.786.327.648
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.169.514.103	4.405.972.923
Chi phí tài chính	22	22	54.035.062.777	51.784.126.639
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.857.695.987	51.766.529.204
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	23.115.264.698	18.745.752.950
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		96.102.071.291	28.662.420.982
Thu nhập khác	31		-	7.500.000
Chi phí khác	32		-	28.594.000
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(21.094.000)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		96.102.071.291	28.641.326.982
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		96.102.071.291	28.641.326.982
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.642	500

Ngày 6 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	96.102.071.291	28.641.326.982
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	125.319.912.008	104.024.594.509
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(33.177.894)	15.076.428
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.110.181.001)	(2.446.766.264)
Chi phí lãi vay	06	53.857.695.987	51.766.529.204
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	273.136.320.391	182.000.760.859
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	40.690.726.546	(49.180.865.029)
Biến động hàng tồn kho	10	(5.939.719.380)	(489.165.600)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	40.014.997.101	(125.337.698.893)
Biến động chi phí trả trước	12	114.118.991	(33.249.438)
		348.016.443.649	6.959.781.899
Tiền lãi vay đã trả	14	(56.961.732.574)	(28.697.909.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	291.054.711.075	(21.738.127.357)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(110.571.056.766)	(283.255.377.627)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(45.753.375.000)	(2.300.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.732.851.249	2.371.517.764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154.591.580.517)	(283.183.859.863)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	57.500.000.000	125.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	-	242.261.574.966
Tiền trả nợ gốc vay	34	(216.890.433.308)	(28.760.470.689)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(159.390.433.308)	338.501.104.277
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(22.927.302.750)	33.579.117.057
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 5)	60	34.193.745.729	614.628.672
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	33.177.894	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	11.299.620.873	34.193.745.729

Ngày 6 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cấp Trọng Cường
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 137 nhân viên (1/1/2017: 117 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 38 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông và công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động bốc dỡ container
- Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch
- Hoạt động lai dắt tàu
- Hoạt động khác

	Hoạt động bốc dỡ container		Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch		Hoạt động lai dắt tàu		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	409.866.571.447	264.753.759.014	91.265.147.190	48.637.876.818	13.084.881.550	6.743.083.938	25.078.879.788	14.953.142.249	539.295.479.975	335.087.862.019
Kết quả kinh doanh của bộ phận									171.082.884.663	94.786.327.648
Chi phí không phân bổ									(23.115.264.698)	(18.745.752.950)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									147.967.619.965	76.040.574.698
Doanh thu tài chính									2.169.514.103	4.405.972.923
Chi phí tài chính									(54.035.062.777)	(51.784.126.639)
Thu nhập khác									-	7.500.000
Chi phí khác									-	(28.594.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế									96.102.071.291	28.641.326.982

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động bốc dỡ container		Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch		Hoạt động lai dắt tàu		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận	32.464.925.426	17.295.226.133	7.518.715.726	4.005.488.601	951.765.602	507.039.554	2.255.714.619	1.201.699.801	43.191.121.373	23.009.454.089
Tài sản không phân bổ									1.285.927.095.125	1.332.486.163.912
Tổng tài sản									1.329.118.216.498	1.355.495.618.001
Nợ phải trả của bộ phận	50.041.826.055	16.412.395.779	1.185.544.693	388.827.312	169.974.107	55.747.013	8.114.290.495	2.661.272.730	59.511.635.350	19.518.242.834
Các khoản nợ không phân bổ									523.654.057.146	741.532.922.456
Tổng nợ phải trả									583.165.692.496	761.051.165.290
Khấu hao tài sản cố định hữu hình										
Khấu hao tài sản cố định vô hình									105.843.818.540	84.592.445.313
									396.474.996	400.474.996

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty chỉ có một bộ phận theo vùng địa lý.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	1.323.147.094	315.647.916
Tiền gửi ngân hàng	9.976.473.779	1.078.097.813
Các khoản tương đương tiền	-	32.800.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11.299.620.873	34.193.745.729

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	48.053.375.000	(*)	2.300.000.000	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	285.991.710
Các bên liên quan khác		
Công Ty Liên doanh Đại Lý Vận tải Evergreen (VN)	13.136.404.895	16.148.252.766
Bên thứ ba		
Maersk Line A/S	15.690.005.081	-
MCC Transport Singapore Pte., Ltd.	6.143.222.902	-
Công Ty TNHH OOCL Việt Nam	4.257.538.221	4.632.933.621
Các khách hàng khác	3.963.950.274	1.942.275.992
	43.191.121.373	23.009.454.089

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	6.901.144.180	-	961.464.800	-
	6.901.144.180	-	961.464.800	-

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	378.611.864.023	35.446.759.291	511.811.343.388	15.484.113.680	941.354.080.382
Mua trong năm	332.722.727	-	-	-	332.722.727
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	2.341.675.339	10.970.262.909	-	451.263.636	13.763.201.884
Số dư cuối năm	381.286.262.089	46.417.022.200	511.811.343.388	15.935.377.316	955.450.004.993
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	26.058.461.742	4.251.371.653	57.446.430.570	1.608.464.369	89.364.728.334
Khấu hao trong năm	29.666.504.221	5.873.288.914	68.593.601.676	1.710.423.729	105.843.818.540
Số dư cuối năm	55.724.965.963	10.124.660.567	126.040.032.246	3.318.888.098	195.208.546.874
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	352.553.402.281	31.195.387.638	454.364.912.818	13.875.649.311	851.989.352.048
Số dư cuối năm	325.561.296.126	36.292.361.633	385.771.311.142	12.616.489.218	760.241.458.119

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 760.241 triệu VND (1/1/2017: 851.989 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	435.931.245
Khấu hao trong năm	396.474.996
Số dư cuối năm	832.406.241
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.546.443.755
Số dư cuối năm	1.149.968.759

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	5.249.866.877	79.054.647.520
Tăng trong năm (*)	85.372.850.602	283.114.716.059
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(13.763.201.884)	(354.393.325.355)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(240.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12(b))	(2.499.344.000)	(2.286.171.347)
Số dư cuối năm	74.360.171.595	5.249.866.877

(*) Trong năm, không có chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (2016: 1.636 triệu VND).

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Mua cầu MHC	57.700.425.038	-
Mua máy phát điện 2,200 KVA	8.568.806.400	-
Nâng cấp hệ thống điều khiển biến tần cho cần cầu RTG/TCM	6.130.867.102	1.964.000.000
Mua 02 khung chụp Stinis cho cầu MHC	982.000.000	-
Lắp ráp tài sản cố định	978.073.055	920.282.877
Hoán cải lắp đặt trọn gói hoàn thiện hệ thống điện của cần cầu RTG-TCM 01	-	2.365.584.000
	<hr/> 74.360.171.595	<hr/> 5.249.866.877

12. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí đại tu, sửa chữa lớn	964.089.089	2.049.409.081
Phí bảo hiểm trả trước	1.419.549.436	942.211.104
Công cụ dụng cụ	555.227.146	61.364.477
	<hr/> 2.938.865.671	<hr/> 3.052.984.662

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	330.675.339.375	6.705.222.345	337.380.561.720
Mua trong năm	-	24.865.483.437	24.865.483.437
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	-	2.499.344.000	2.499.344.000
Phân bổ trong năm	(9.249.660.213)	(9.829.958.259)	(19.079.618.472)
	<hr/> 321.425.679.162	<hr/> 24.240.091.523	<hr/> 345.665.770.685

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Các khoản phải trả người bán****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	3.675.969.775	1.564.114.391
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao xanh	16.109.447.750	4.334.950.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh	2.064.030.741	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	1.520.057.000	660.011.000
Chi nhánh công ty cổ phần container Việt Nam - xí nghiệp cảng Viconship	1.460.040.750	760.593.350
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	-	632.415.173
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Vận tải biển quốc tế VISC	9.248.486.734	1.821.499.680
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải và kho vận Hồng Quân	6.181.141.800	823.291.590
Công ty TNHH quốc tế B2B	5.110.756.112	46.475.000
Các nhà cung cấp khác	14.141.704.688	8.874.892.650
	59.511.635.350	19.518.242.834

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã bù trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	26.465.980.955	(25.789.358.717)	(676.622.238)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.773.025	133.008.749	-	(126.454.746)	8.327.028
Các loại thuế khác	-	35.871.393	-	(35.871.393)	-
	1.773.025	26.634.861.097	(25.789.358.717)	(838.948.377)	8.327.028

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trích trước lãi vay	9.809.825.234	12.913.861.821
Trích trước tiền điện	345.247.758	276.299.914
Trích trước chi phí khác	112.500.000	160.000.000
	10.267.572.992	13.350.161.735

16. Các khoản vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vietcombank Hải Phòng (*)	VND	8,3%	2025	437.341.745.562	630.341.745.562
Công ty Cổ phần Container Việt Nam (**)	VND	7,0% - 8,3%	2025	67.726.083.271	91.616.516.579
				505.067.828.833	721.958.262.141
Khoản phải trả đến hạn trong vòng 12 tháng				(127.890.433.308)	(73.890.433.308)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				377.177.395.525	648.067.828.833

(*) Khoản vay dài hạn từ Vietcombank Hải Phòng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị ghi sổ là 760.241 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 851.989 triệu VND) (Thuyết minh 9).

(**) Khoản vay dài hạn từ công ty mẹ, Công ty Cổ phần Container Việt Nam, không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	450.000.000.000	-	(9.196.874.271)	440.803.125.729
Góp vốn	125.000.000.000	-	-	125.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	28.641.326.982	28.641.326.982
Số dư tại ngày 1/1/2017	575.000.000.000	-	19.444.452.711	594.444.452.711
Góp vốn	57.500.000.000	-	-	57.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	96.102.071.291	96.102.071.291
Chi phí phát hành cổ phiếu ra công chúng	-	(94.000.000)	-	(94.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	632.500.000.000	(94.000.000)	113.546.524.002	745.952.524.002

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	63.250.000	632.500.000.000	57.500.000	575.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000	57.500.000	575.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000	57.500.000	575.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	325.003	7.366.203.194	23.704	538.790.784
EUR	19.490	526.571.906	19.499	465.967.842
		<u>7.892.775.100</u>		<u>1.004.758.626</u>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Dịch vụ bốc, dỡ container	409.866.571.447	264.753.759.014
Phí chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	91.265.147.190	48.637.876.818
Phí tàu lai	13.084.881.550	6.743.083.938
Dịch vụ khác	25.078.879.788	14.953.142.249
	<hr/> 539.295.479.975	<hr/> 335.087.862.019

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	2.110.181.001	2.446.766.264
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.155.208	1.959.206.659
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.177.894	-
	<hr/> 2.169.514.103	<hr/> 4.405.972.923

22. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	53.857.695.987	51.766.529.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	177.366.790	2.521.007
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.076.428
	<hr/> 54.035.062.777	<hr/> 51.784.126.639

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	10.578.421.878	8.547.136.104
Chi phí khấu hao	2.106.898.725	1.915.625.586
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.689.966.449	1.165.102.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.152.291.788	3.753.100.006
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.587.685.858	3.364.789.005
	<hr/>	
	23.115.264.698	18.745.752.950
	<hr/>	

24. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	29.834.727.378	22.958.123.950
Chi phí khấu hao và phân bổ	125.319.912.008	104.024.594.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.716.886.563	125.977.178.584
Chi phí khác	5.456.334.061	6.087.390.278
	<hr/>	

25. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	96.102.071.291	28.641.326.982
	<hr/>	
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.610.207.129	2.864.132.698
Chi phí không được khấu trừ	37.943.112	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(3.317.789)	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(991.687.427)
Ưu đãi thuế	(9.644.832.451)	(1.872.445.271)
	<hr/>	
	-	-
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2015) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	96.102.071.291	28.641.326.982

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành từ năm trước	57.500.000	45.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	1.023.973	12.260.929
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	58.523.973	57.260.929

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các cổ đông		
<i>Công ty Cổ phần Container Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	-	2.975.232.977
Mua dịch vụ	19.323.645.621	14.113.878.028
Trả gốc vay	23.890.433.308	8.000.000.000
Chi phí lãi vay	6.693.006.593	7.716.181.874
Góp vốn	42.750.000.000	-
<i>Evergreen Marine Corporation (Taiwan) Ltd.</i>		
Góp vốn	12.500.000.000	125.000.000.000
Các công ty liên quan khác		
<i>Công ty Liên doanh Đại Lý Vận tải Evergreen (VN)</i>		
Cung cấp dịch vụ	165.244.861.330	156.910.863.089
<i>Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao xanh</i>		
Mua dịch vụ	50.515.867.727	27.776.538.500
<i>Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh</i>		
Mua dịch vụ	8.241.745.000	7.609.637.100
<i>Công Ty TNHH MTV Bến Xanh</i>		
Mua dịch vụ	3.618.592.609	6.279.961.316
<i>Cảng Green Port (Xí nghiệp cảng Viconship)</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.176.133.528	5.437.571.920
Mua dịch vụ	13.785.851.364	9.343.102.625
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.080.238.701	2.478.690.161

28. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay cộng gộp vào gốc vay	-	9.827.280.081

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 6 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Giáp Trọng Cường
Giám đốc